



**Tô Ngọc Vân (1908-1954)**

Tô Ngọc Vân (1908-1954)

Hoạ sỹ Tô Ngọc Vân với bút danh Tô Tử, Ái Mỹ sinh ngày 15/12/1908 tại làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang.

Ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật khóa II (năm 1931). Từ năm 1931, ông cộng tác với các báo: Phong Hóa, Ngày Nay, Thanh Nghị... Ông từng dạy học ở trường trung học Phnôm-Pênh (1935-1939) và dạy trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1939-1945).

Sau cách mạng tháng Tám 1945, ông tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, phụ trách Trường Mỹ thuật Việt Bắc. Ngày 17/6/1954, ông hy sinh ở Đa Khê, vùng gần sát chiến trường Điện Biên Phủ. Ông được đánh giá là người có công đầu tiên trong việc sử dụng chất liệu sơn dầu ở Việt Nam. Tranh của Tô Ngọc Vân từng được triển lãm ở Sài Gòn (1930), triển lãm ở Ba Lan, Liên Xô, Hung-ga-ri, Ru-mani...

Những tác phẩm tiêu biểu của ông:

- Trước cách mạng Tháng Tám 1945: Thiếu nữ bên hoa sen (1944), Thiếu nữ bên hoa huệ (1943), Hai thiếu nữ và em bé (1944), Thiếu phụ ngồi bên tranh tam đa (1942), Buổi trưa (1936), Bên hoa (1942), Thuyền sông Hương (1935) đều là tranh sơn dầu.
- Trong kháng chiến chống Pháp: Hồ Chủ tịch làm việc tại Bắc Bộ phủ (1946-sơn dầu), Nghỉ đêm bên đường (sơn mài - 1948), Con trâu quả thực (ký hoạ màu nước - 1954), Hai chiến sĩ (màu nước - 1949)...

Nhập vào cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, Tô Ngọc Vân đã từ quan điểm nghệ thuật thuần túy chuyển sang quan điểm nghệ thuật phục vụ kháng chiến.

Những bức tranh trong kháng chiến chống Pháp của ông thể hiện điều đó.

Lòng yêu nước của ông là tấm gương một nghệ sĩ chiến sĩ chân chính. Công hiến của ông về nghệ thuật sơn dầu trước cách mạng rất có giá trị. Càng ngày thời gian càng khẳng định những bức tranh sơn dầu của Tô Ngọc Vân còn trẻ mãi, có sức sống lâu bền.

Ông đã ngã xuống chiến trường khi tài năng đang đầy hứa hẹn. Ông để lại cho đời một khối lượng tác phẩm đồ sộ gồm trên 150 tranh và ký hoạ, nhiều bức

được lưu giữ ở Viện bảo tàng Mỹ thuật, được hâm mộ cả trong và ngoài nước.

Tên tuổi của Tô Ngọc Vân là niềm tự hào cho nền Mỹ thuật Việt Nam.



**Tôn Quang Phiệt (1900 - 73)**

Tôn Quang Phiệt (1900 - 73), nhà hoạt động chính trị, nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Quê: Võ Liệt, Thanh Chương, Nghệ An. Học Cao đẳng Sư phạm Hà Nội; cùng Đặng Thai Mai, Phạm Thiều... lập ra Việt Nam Nghĩa hoà Đoàn, tham gia đấu tranh đòi thực dân Pháp thả cụ Phan Bội Châu (giữa 1925). Hội trưởng Hội Phục Việt. Tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Bị thực dân Pháp bắt, giam ở nhà tù Buôn Ma Thuột. Năm 1934, ra tù và bị quản thúc, rồi dạy học ở Vinh và Huế. Tham gia phong trào cách mạng những năm 1936 - 45 và khởi nghĩa ở Huế (1945), giữ chức chủ tịch Ủy ban Nhân dân Lâm thời thành phố Huế. Đại biểu Quốc hội các khoá I - IV, phó trưởng ban Thường vụ Quốc hội khoá I, tổng thư kí khoá III, IV. Ông cũng đã nghiên cứu sử học và văn học.

Tác phẩm chính: "Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh", "Phan Bội Châu và một giai đoạn trong lịch sử chống Pháp", "Thơ văn chữ Hán của Phan Bội Châu". Truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.



**Tôn Thất Tùng (1912 - 82)**

Tôn Thất Tùng (1912 - 82), nhà phẫu thuật Việt Nam. Quê: thành phố Huế, thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tốt nghiệp Trường Đại học Y Dược Hà Nội, nội trú các bệnh viện ở Hà Nội. Luận án tốt nghiệp (1937) được tặng thưởng Huy chương vàng của Trường Đại học Y khoa Pari. Tham gia Kháng chiến chống Pháp và Kháng chiến chống Mỹ. Cùng với giáo sư Hồ Đắc Di và Đặng Văn Ngữ xây dựng Trường Đại học Y khoa kháng chiến ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang). Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn, Hà Nội (1955 - 82) và xây dựng thành trung tâm ngoại khoa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và là cơ sở đào tạo cán bộ đại học và sau đại học. Giáo sư, chủ nhiệm bộ môn ngoại khoa Trường Đại học Y Dược Hà Nội. Thứ trưởng Bộ Y tế (1948 - 61). Một

trong những người sáng lập và xây dựng ngành ngoại khoa Việt Nam. Đã có trên 200 công trình nghiên cứu khoa học được công bố trong nước và ngoài nước, tập trung chủ yếu trong 3 lĩnh vực: phương pháp cắt gan qua nhu mô, gọi là phương pháp cắt gan khô (phương pháp Tôn Thất Tùng); các bệnh nhiễm khuẩn gan mật nhiệt đới; hậu quả của chất độc hoá học dùng trong chiến tranh, đặc biệt là chất da cam. Chủ tịch Ủy ban Quốc gia nghiên cứu các hậu quả lâu dài của các chất hoá học dùng trong chiến tranh Việt Nam (1980 - 82). Huân chương Lanolonggơ của Viện Hàn lâm Y khoa Pháp (1977); viện sĩ viện Hàn lâm, hội viên danh dự hội ngoại khoa của nhiều nước; Anh hùng lao động (1960); Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương khác. Truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).